

Thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia

Chủ đề : Tiêu chí và phương pháp phân bổ tần số cho hoạt động thông tin vô tuyến

Đây là điều phù hợp cần phải có tiêu chí và phương pháp phân bổ tần số cho hoạt động thông tin vô tuyến để cho tất cả các lĩnh vực cùng hiểu về tiêu chí và phương pháp mà Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia sử dụng để xem xét việc phân bổ tần số đối với kinh doanh thông tin vô tuyến, là loại hình kinh doanh giúp hỗ trợ sự tiến bộ và sự ổn định của quốc gia.

Dựa vào thẩm quyền Mục 27 (4) (24) Mục 81 và Mục 87 theo Đạo luật Tổ chức Phân bổ Tần số và giám sát hoạt động kinh doanh phát thanh truyền hình và viễn thông năm 2010, cùng với Mục 11 và Mục 11 lần 2 Đạo luật Truyền thông Vô tuyến năm 1955, được sửa đổi bổ sung bởi Đạo luật Truyền thông Vô tuyến (Bản thứ 3) năm 1992. Vì vậy Ủy ban Phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia đã quy định tiêu chí và phương pháp phân bổ tần số cho hoạt động thông tin vô tuyến như sau :

Điều 1. Tất cả các thông báo của Ủy ban Phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia liên quan đến tiêu chí cấp phép và giám sát hoạt động phát thanh nghiệp dư, tiêu chí và phương thức cho phép sử dụng tần số trong hoạt động cố định dải tần số 71 – 76 Gigahertz (GHz) và 81 – 86 Gigahertz (GHz), tiêu chí cho phép sử dụng tần số để thử nghiệm hoặc kiểm tra tạm thời trong hoạt động thông tin vô tuyến và viễn thông, thiết bị liên lạc vô tuyến và đài phát thanh vô tuyến được miễn giấy phép. Những gì đã được ban hành trước ngày thông báo này có hiệu lực sẽ tiếp tục được áp dụng cho đến khi nó không trái với hoặc không phù hợp với các tiêu chí được chỉ định trong thông báo này

Điều 2. Trong thông báo này :

“Thông tin vô tuyến điện” có nghĩa là hoạt động thu và phát dấu hiệu, sóng, chữ cái, chữ số, hình ảnh, âm thanh, mật mã hoặc bất cứ điều gì khác có thể hiểu được ý nghĩa bởi hệ thống tần số. Dành cho mục đích viễn thông trong bất kỳ hoạt động cụ thể nào hoặc như một hoạt động phi viễn thông mà không phải là hoạt động kinh doanh viễn thông theo luật về kinh doanh viễn thông, hoặc kinh doanh phát thanh hoặc truyền hình theo luật về kinh doanh phát thanh và truyền hình.

“Phân bổ tần số” có nghĩa là việc cho phép đài phát thanh vô tuyến sử dụng tần số vô tuyến hoặc kênh tần số vô tuyến theo lịch phổ tần quốc gia hoặc kế hoạch dùng tần số vô tuyến để sử dụng theo các điều kiện do NBTC quy định.

“Phân bổ tần số mới” có nghĩa là việc cho phép đài phát thanh vô tuyến sử dụng tần số vô tuyến hoặc kênh tần số vô tuyến theo lịch phổ tần quốc gia hoặc kế hoạch dùng tần số vô tuyến để sử dụng theo các điều kiện do NBTC quy định. Người xin phân bổ tần số chưa từng phân bổ tần số như vậy trước đây

“Phân bổ tần số thay thế tần số cũ” có nghĩa là việc cho phép đài phát thanh vô tuyến sử dụng tần số vô tuyến hoặc kênh tần số vô tuyến theo lịch phổ tần quốc gia hoặc kế hoạch dùng tần số vô tuyến để thay thế tần số cũ trong trường hợp NBTC ra lệnh thu hồi tần số sóng hoặc thực hiện theo thông báo NBTC về cả thiện việc sử dụng tần số hoặc giải quyết vấn đề sử dụng tần số gây nhiễu lẫn nhau, được sử dụng theo các điều kiện do NBTC chỉ định.

“Phân bổ tần số chung” có nghĩa là việc cho phép đài phát thanh vô tuyến sử dụng tần số vô tuyến hoặc kênh tần số vô tuyến theo lịch phổ tần quốc gia hoặc kế hoạch dùng tần số vô tuyến để sử dụng theo các điều kiện do NBTC quy định cùng với người nhận phân bổ tần số khác, được sử dụng trong cùng một mạng hoặc trong các khu vực nơi không gian sử dụng bị chồng chéo nhau.

“Phân bổ tần số tạm thời” có nghĩa là việc phân bổ tần số trong thời gian cho phép không quá 180 ngày, với một trong những mục đích sau :

- (1) Để làm ví dụ đối với đấu thầu hoặc làm ví dụ trong buổi triển lãm
- (2) Để học tập nghiên cứu, thử nghiệm hoặc kiểm tra.
- (3) Để bảo vệ những cá nhân quan trọng trong thời gian đến thăm Thái Lan.
- (4) Để đào tạo quân sự với các nước khác.
- (5) Để hỗ trợ các sự kiện đặc biệt.
- (6) Vì những mục tiêu khác theo NBTC quy định.

“Việc xin phép sử dụng tần số quy định cùng nhau cụ thể ” có nghĩa là việc xin phép cho đài phát thanh vô tuyến sử dụng tần số vô tuyến hoặc kênh tần số vô tuyến theo thông báo của NBTC liên quan cùng với người nhận phân bổ tần số khác trong hoạt động dành riêng như hoạt động truyền thông, hoạt động từ thiện, tần số dành cho tổ chức chính quyền địa phương, tần số trung tâm dành cho việc phối hợp giữa cơ quan chính phủ và công chúng v.v.

“Việc thay đổi phạm vi cho phép của tần số phân bổ ba đầu” có nghĩa là việc thay đổi khu vực sử dụng hoặc thay đổi số lượng đài phát thanh hoặc giảm khoảng cách của kênh tần số vô tuyến liền kề nhau (channel spacing) hoặc giảm độ rộng băng tần (Bandwidth) hoặc giảm công suất truyền của thiết bị vô tuyến hoặc giảm chiều cao của ăng-ten bằng cách dùng tần số vô tuyến hoặc kênh vô tuyến được phân bổ ban đầu và sử dụng theo mục tiêu ban đầu.

Chương 1

Yêu cầu phân bổ tần số

Điều 3. Việc yêu cầu phân bổ tần số phải tuân theo một trong những mục đích sau :

- 3.1 Vì sự an ninh quốc gia theo thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia về đường lối phân bổ tần số đối với thông tin vô tuyến vì an ninh quốc gia.
- 3.2 Vì ngành giáo dục hoặc văn hóa hoặc lợi ích công cộng.
- 3.3 Để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh truyền thanh hoặc truyền hình hoặc viễn thông
- 3.4 Để quản lý bên trong cơ quan hoặc hỗ trợ nhiệm vụ của cơ quan.
- 3.5 Để làm ví dụ đối với đấu thầu hoặc làm ví dụ trong buổi triển lãm.
- 3.6 Để học tập nghiên cứu, thử nghiệm hoặc kiểm tra.
- 3.7 Để bảo vệ những cá nhân quan trọng trong thời gian đến thăm Thái Lan.
- 3.8 Để đào tạo quân sự với các nước khác.
- 3.9 Để hỗ trợ các sự kiện đặc biệt.
- 3.10 Vì những mục đích khác theo NBTC quy định.

Điều 4. Thể loại của việc yêu cầu phân bổ tần số như sau :

- 4.1 Yêu cầu phân bổ tần số mới.
- 4.2 Yêu cầu phân bổ tần số thay thế tần số ban đầu.
- 4.3 Yêu cầu phân bổ tần số loại dùng chung.
- 4.4 Yêu cầu phân bổ tần số tạm thời.
- 4.5 Việc xin phép sử dụng tần số quy định dùng chung cụ thể.
- 4.6 Việc xin phép thay đổi phạm vi cho phép của tần số phân bổ ban đầu.

Điều 5. Người nộp đơn xin phân bổ tần số phải có một trong những phẩm chất sau :

- 5.1 Là cơ quan chính phủ, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước.
- 5.2 Là pháp nhân được thành lập theo luật pháp Thái Lan.
- 5.3 Là cá nhân bình thường.
- 5.4 Là cơ quan chuyên môn thuộc Liên hợp quốc, Văn phòng Hội chữ thập đỏ quốc tế, Đại sứ quán, Sứ thần, Tổng lãnh sự quán và Lãnh sự quán.

5.5 Là một tổ chức quốc tế có văn phòng tại Thái Lan, mà chính phủ Thái Lan đã ban hành Đạo luật bảo vệ hoạt động của tổ chức đó

Điều 6. Việc đăng ký để lấy mã nhận dạng dành cho người yêu cầu phân bổ tần số và việc thay đổi thông tin đã đăng ký.

Người yêu cầu phân bổ tần số chưa có mã nhận dạng dành cho người yêu cầu phân bổ tần số hoặc cần thay đổi thông tin đã đăng ký phải nộp đơn theo mẫu mà Văn phòng NBTC quy định cùng tài liệu chứng cứ sau đây :

6.1 Trường hợp là cơ quan chính phủ, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước bao gồm :

6.1.1 Thư từ cơ quan chính phủ, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước nói chung, được ký bởi Chánh văn phòng cấp bộ, sở, cục, người đứng đầu cơ quan chính phủ hoặc người đứng đầu cơ quan nhà nước , tùy từng trường hợp.

6.1.2 Thư từ cơ quan chính phủ thuộc Bộ Quốc phòng, được ký bởi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thường trực, Chỉ huy bảo vệ hoàng gia, Chỉ huy trưởng đơn vị bảo vệ an toàn Hoàng gia, Giám đốc thông tin liên lạc quân sự Trụ sở Lực lượng Vũ trang Hoàng gia Thái Lan, Giám đốc truyền thông quân đội Lực lượng Hoàng gia Thái Lan, Giám đốc Truyền thông và Công nghệ thông tin Hải quân Hoàng gia Thái Lan, Giám đốc truyền thông điện tử Không quân lực lượng Không quân, tùy từng trường hợp.

6.1.3 Thư từ cơ quan cảnh sát, được ký bởi Tư lệnh Cảnh sát Truyền thông, Văn phòng Cảnh sát Quốc gia

6.2 Trường hợp là Pháp nhân được thành lập theo luật pháp bao gồm :

6.2.1 Chứng từ chứng minh tình trạng theo quy định của pháp luật bao gồm bản sao thỏa thuận thành lập hội đồng thành viên hoặc bản sao đăng ký thương mại hoặc một bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác hạn chế hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký pháp nhân hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký hiệp hội hoặc tổ chức và bản sao giấy chứng nhận danh sách ủy viên hiệp hội hoặc tổ chức , tùy từng trường hợp.

6.2.2 Bản sao thẻ chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của người có thẩm quyền hoặc người có quyền thực hiện hoặc người được ủy quyền, tùy từng trường hợp.

6.2.3 Giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật cùng với bản sao thẻ chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của người ủy quyền và người nhận ủy quyền , trong trường hợp ủy quyền đại diện thay .

6.3 Trường hợp cá nhân bình thường bao gồm :

6.3.1 Bản sao thẻ chứng minh nhân dân hoặc bản sao các loại giấy tờ khác được pháp luật yêu cầu để thay thế thẻ CMND và bản sao sổ hộ khẩu của người nộp đơn.

6.3.2 Đơn ủy quyền theo pháp luật cùng với bản sao thẻ chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của người ủy quyền và người nhận ủy quyền, trong trường hợp ủy quyền để đại diện thay thế.

6.4 Trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc Liên hợp quốc, Văn phòng Hội chữ thập đỏ quốc tế, Đại sứ quán, Sứ thần, Sứ quán, Tổng lãnh sự quán và Lãnh sự quán. Bao gồm thư từ Văn phòng Thủ tướng chính phủ hoặc Vụ ngoại giao, Bộ Ngoại giao và được ký bởi Thủ trưởng cơ quan, tùy từng trường hợp.

6.5 Trường hợp là tổ chức quốc tế có văn phòng tại Thái Lan, mà chính phủ Thái Lan đã ban hành Đạo luật bảo vệ hoạt động của tổ chức đó. Bao gồm thư từ tổ chức quốc tế đó và được ký bởi trưởng phòng tổ chức hoặc người được chỉ định, tùy từng trường hợp.

Khi Văn phòng NBTC nhận được các tài liệu đầy đủ, NBTC sẽ thiết lập mã nhận dạng cho người nộp đơn phân bổ tần số hoặc thay đổi thông tin đã đăng ký tùy trường hợp cho người nộp đơn phân bổ tần số.

Điều 7. Việc nộp hồ sơ xin phân bổ tần số

Những người yêu cầu phân bổ tần số có phẩm chất theo Điều 5 và đã thực hiện theo Điều 6 có thể nộp hồ sơ với chi tiết như sau :

7.1 Mẫu yêu cầu

7.1.1 Người yêu cầu phân bổ tần số phải nộp đơn theo mẫu do Văn phòng NBTC quy định, điền rõ thông tin chi tiết vào mẫu đơn chính xác và đầy đủ.

7.1.2 Đơn yêu cầu phải được ký tên bởi người yêu cầu phân bổ tần số, người có thẩm quyền thực hiện hoặc người nhận ủy quyền. Ngoại trừ trường hợp cơ quan chính phủ, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Liên hợp quốc, Văn phòng Hội chữ thập đỏ quốc tế, Đại sứ quán, Sứ thần, Sứ quán, Tổng lãnh sự quán và Lãnh sự quán và tổ chức quốc tế có văn phòng tại Thái Lan, mà chính phủ Thái Lan đã ban hành Đạo luật bảo vệ hoạt động của tổ chức đó được ký bởi những người sau đây :

7.1.2.1 Cơ quan chính phủ, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan nhà nước nói chung, được ký bởi người đứng đầu cơ quan chính phủ cấp bộ, sở, cục, người quản lý cao nhất của doanh nghiệp nhà nước hoặc người quản lý cao nhất của cơ quan nhà nước , tùy từng trường hợp.

7.1.2.2 Cơ quan chính phủ quân sự, được ký bởi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thường trực, Chỉ huy bảo vệ hoàng gia, Chỉ huy trưởng đơn vị bảo vệ an toàn Hoàng gia, Giám đốc thông tin liên lạc quân sự Trụ sở Lực lượng Vũ trang Hoàng gia Thái Lan, Giám đốc truyền thông quân đội Lục quân Hoàng gia Thái Lan, Giám đốc Truyền thông và Công nghệ thông tin Hải quân Hoàng gia Thái Lan, Giám đốc truyền thông điện tử Không quân lực lượng Không quân, tùy từng trường hợp.

7.1.2.3 Cơ quan cảnh sát, được ký bởi Tư lệnh Cảnh sát Truyền thông, Văn phòng Cảnh sát Quốc gia

7.1.2.4 Cơ quan chuyên môn thuộc Liên hợp quốc, Văn phòng Hội chữ thập đỏ quốc tế, Đại sứ quán, Sứ thần, Sứ quán, Tổng lãnh sự quán và Lãnh sự quán được ký bởi Tổng thư ký văn phòng Thủ tướng Chính phủ hoặc Vụ trưởng Vụ ngoại giao, tùy từng trường hợp.

7.1.2.5 Tổ chức quốc tế có văn phòng tại Thái Lan, mà chính phủ Thái Lan đã ban hành Đạo luật bảo vệ hoạt động của tổ chức đó, được ký bởi trưởng phòng hoặc người được chỉ định, tùy từng trường hợp.

7.2 Tài liệu chứng cứ được sử dụng để yêu cầu phân bổ tần số, người nộp đơn xin phân bổ tần số phải nộp tài liệu chứng cứ theo quy định trong phụ lục

7.3 Nơi nộp đơn

Người yêu cầu phân bổ tần số nộp đơn cùng tài liệu chứng cứ tại :

7.3.1 Văn phòng NBTC Số 87 Đường Phaholyothin , Hẻm 8(Sailom), Phường Samsen Nai, Quận Phaya Thai, Bangkok 10400

7.3.2 Văn phòng NBTC vùng và Văn phòng NBTC khu vực .

7.3.3 Các kênh khác do NBTC chỉ định.

Điều 8. Phương thức và quy trình thực hiện như sau :

8.1 Văn phòng NBTC xem xét kiểm tra yêu cầu và tài liệu bằng chứng cần thiết sử dụng trong việc xin phép rằng đã chính xác và đầy đủ theo Điều 7 hay chưa trước khi đề xuất vấn đề để xem xét phê duyệt phân bổ tần số.

Nếu các tài liệu cần sử dụng để xem xét theo Điều 8 không chính xác, không đầy đủ hoặc không hoàn thành, NBTC sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn phân bổ tần số trong vòng bảy ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, để gửi thêm tài liệu cần thiết trong vòng bảy ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Nếu người nộp đơn phân bổ tần số không gửi thêm tài liệu bằng chứng theo thông báo của văn phòng NBTC, văn phòng NBTC sẽ trả lại yêu cầu cho người nộp đơn để phân bổ tần số. Bằng cách thông báo bằng văn bản và chỉ định nguyên nhân hoàn trả cho người nộp đơn phân bổ tần số được biết. Tuy nhiên, sẽ không cắt bỏ quyền của người nộp đơn phân bổ tần số khi có yêu cầu mới.

8.2 Trường hợp yêu cầu cùng tài liệu chứng cứ chính xác, đầy đủ Văn phòng NBTC sẽ thông báo cho người yêu cầu xin phân bổ tần số trả phí trong việc xem xét yêu cầu theo quy định.

8.3 Văn phòng NBTC phải thông báo kết quả phân bổ tần số cho người nộp đơn để phân bổ tần số được biết trong vòng bảy ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xem xét.

8.4 Trường hợp yêu cầu đã được chấp thuận, Văn phòng NBTC sẽ thông báo cho người nộp đơn phân bổ tần suất để trả các khoản phí liên quan và khi văn phòng NBTC nhận được phí đầy đủ, văn phòng NBTC sẽ quy định ngày bắt đầu phân bổ tần số, thời hạn phân bổ tần số và ban hành bằng chứng phân bổ tần số cùng giấy phép thông tin vô tuyến (nếu có) dành cho người nộp đơn phân bổ tần số.

8.5 Trường hợp người yêu cầu xin phân bổ tần số đang chuẩn bị cho việc cung cấp thiết bị vô tuyến hoặc vị trí của đài phát thanh thì thực hiện bổ sung từ Điều 7.1 đến Điều 8.4 như sau:

8.5.1 Người yêu cầu xin phân bổ tần số chỉ định ngày bắt đầu phân bổ tần số và các chi tiết cơ bản của thiết bị vô tuyến hoặc vị trí đài phát thanh vào trong yêu cầu. Ngày bắt đầu phân bổ tần số không được vượt quá một năm kể từ ngày nộp yêu cầu.

8.5.2 Khi yêu cầu được chấp thuận Văn phòng NBTC sẽ đưa ra bằng chứng ban đầu thể hiện quyền sử dụng tần số cho người yêu cầu phân bổ tần số.

8.5.3 Đối với các cơ quan được miễn giấy phép thông tin vô tuyến theo Mục 5 Đạo luật Truyền thông Vô tuyến năm 1955 và được sửa đổi bổ sung thì thông báo chi tiết liên quan đến việc sở hữu, sử dụng thiết bị vô tuyến và thành lập đài phát thanh theo Văn phòng NBTC quy định trước ngày bắt đầu phân bổ tần số được quy định tại điều 8.5.1 không dưới năm ngày.

8.5.4 Đối với các cơ quan không được miễn giấy phép thông tin vô tuyến theo Mục 5 Đạo luật Truyền thông Vô tuyến năm 1955 và được sửa đổi bổ sung thì nộp đơn yêu cầu theo thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia việc sở hữu, sử dụng thiết bị vô tuyến và thành lập đài phát thanh trong phần có liên quan trước ngày bắt đầu phân bổ tần số được quy định tại điều 8.5.1 không dưới năm ngày.

8.5.5 Nếu người yêu cầu phân bổ tần số không thực hiện theo điều 8.5.3 hoặc 8.5.4 tùy từng trường hợp quyền sử dụng tần số được xem là kết quả cuối cùng.

Chương 2

Tiêu chí và phương pháp trong việc xem xét phân bổ tần số

Điều 9. Việc phân bổ tần số cho tất cả các loại thông tin vô tuyến, không bao gồm trường hợp phân bổ tần số tạm thời, để học tập nghiên cứu, thử nghiệm hoặc kiểm tra. Sử dụng nguyên tắc đến trước sẽ được xem xét trước với tiêu chí và phương pháp trong việc xem xét như sau:

9.1 Tiêu chí trong việc xem xét phân bổ tần số bao gồm :

9.1.1 Lý do cần thiết của việc yêu cầu phân bổ tần số chẳng hạn như không thể thuê sử dụng dịch vụ thông tin vô tuyến, không có dịch vụ viễn thông thay thế trong khu vực có nhu cầu sử dụng, gặp vấn đề về nhiễu tần số do bị gây nhiễu hoặc gây ra tần số nhiễu, tần số được phân bổ ban đầu không đủ v.v.

9.1.2 Sự phù hợp với quy hoạch tổng thể, quản lý tần số, bảng quy định tần số quốc gia, kế hoạch tổng thể hoạt động phát thanh và truyền hình, kế hoạch tổng thể hoạt động viễn thông, kế hoạch tần số vô tuyến hoặc thông báo NBTC có liên quan.

9.1.3 Sự phù hợp với mục đích và nhiệm vụ của cơ quan.

9.1.4 Sự phù hợp của thiết bị viễn thông và phụ kiện sẽ sử dụng với thông báo về tiêu chuẩn kỹ thuật và việc kiểm tra và chứng nhận tiêu chuẩn có liên quan.

9.1.5 Sự phù hợp với thỏa thuận việc phối hợp và phân bổ tần số theo dọc biên giới.

9.1.6 Hiệu quả và giá trị trong việc sử dụng lợi ích tần số

9.1.6.1 Việc sử dụng tần số phải không gây nhiễu ở mức độ nghiêm trọng cho việc sử dụng tần số trong nước và quốc tế.

9.1.6.2 Việc sử dụng tần số phải không gây ảnh hưởng đến trạm kiểm tra việc sử dụng tần số của NBTC .

9.1.6.3 Việc sử dụng tần số phải không được trùng lặp với việc cung cấp các dịch vụ viễn thông có tần số tương tự và sử dụng cùng tần số hoặc tương tự.

9.1.6.4 Việc sử dụng tần số có giá trị theo độ rộng băng tần (Bandwidth) hoặc số lượng tần số vô tuyến hoặc kênh vô tuyến phải phù hợp với lượng sử dụng.

9.2 Phương thức xem xét phân bổ tần số bao gồm :

9.2.1 Văn phòng NBTC xem xét yêu cầu cùng tài liệu chứng cứ bằng cách sử dụng tất cả các tiêu chí trong điều 9.1. Tuy nhiên, Văn phòng NBTC có thể chọn các tần số vô tuyến khác hoặc các kênh vô tuyến khác theo lịch phổ tần quốc gia hoặc kế hoạch tần số vô tuyến hoặc thông báo NBTC có liên quan, để phân bổ cho người nộp đơn yêu cầu phân bổ tần số. Điều này đòi hỏi phải có sự đồng ý của người nộp đơn để phân bổ tần số trước khi tiến hành trong phần có liên quan.

9.2.2 Trường hợp việc phân bổ tần số theo lịch phổ tần quốc gia

9.2.2.1 Nếu kết quả đánh giá trong điều 9.2.1 là chính xác, đầy đủ thì Văn phòng NBTC sẽ đề xuất NBTC xem xét phê duyệt việc phân bổ tần số trước khi Tổng thư ký NBTC đưa ra bằng chứng phân bổ tần số cùng với giấy phép liên lạc vô tuyến (nếu có) cho người nộp đơn phân bổ tần số.

9.2.2.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 9.2.2.1 và phải hoàn thành trong vòng 90 ngày. Tuy nhiên, nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo nguyên nhân cho người nộp đơn phân bổ tần suất được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người nộp đơn phân bổ tần số được biết trong vòng bảy ngày.

9.2.3 Trường hợp phân bổ tần số theo kế hoạch tần số hoặc thông báo NBTC có liên quan :

9.2.3.1 Nếu kết quả xem xét trong Mục 9.2.1 là chính xác đầy đủ thì Tổng thư ký NBTC sẽ xem xét phê duyệt phân bổ tần số và đưa ra bằng chứng phân bổ tần số cùng với giấy phép liên lạc vô tuyến (nếu có) cho người nộp đơn phân bổ tần số.

9.2.3.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 9.2.3.1 và phải hoàn thành trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên, nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo nguyên nhân cho người nộp đơn phân bổ tần suất được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người nộp đơn phân bổ tần số được biết trong vòng bảy ngày.

9.2.4 Trường hợp phân bổ tần số vì an ninh quốc gia

9.2.4.1 Nếu kết quả xem xét trong điều 9.2.1 chính xác đầy đủ thì Văn phòng NBTC tiến hành tuân thủ theo thông báo hướng dẫn việc phân bổ tần số đối với thông tin vô tuyến vì an ninh quốc gia có liên quan, trước khi tiến hành xin phê duyệt việc phân bổ tần số theo điều 9.2.2 hoặc 9.2.3 tùy từng trường hợp.

9.2.4.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 9.2.4.1 và phải hoàn thành trong vòng 120 ngày. Tuy nhiên, nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo nguyên nhân cho người nộp đơn phân bổ tần suất được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người nộp đơn phân bổ tần số được biết trong vòng bảy ngày.

9.2.4.3 Trong trường hợp hội đồng làm việc hoặc hội đồng tiểu ban theo thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia về hướng dẫn việc phân bổ tần số đối với thông tin vô tuyến vì an ninh quốc gia có liên quan không thể thực hiện nhiệm vụ. Gây ảnh hưởng đến việc tiến hành không thể hoàn thành trong khung thời gian đã chỉ định tại điều 9.2.4.2 thì Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 9.2.2 hoặc 9.2.3 tùy từng trường hợp.

9.2.5 Trường hợp phân bổ tần số theo thỏa thuận phối hợp và phân bổ tần số dọc biên giới với các quốc gia có ranh giới lãnh thổ giáp nhau.

9.2.5.1 Nếu kết quả xem xét trong Mục 9.2.1 là chính xác và đầy đủ, Văn phòng NBTC phải tiến hành hoàn thành theo thỏa thuận phối hợp và phân bổ phổ tần số dọc biên giới với các quốc gia có ranh giới lãnh thổ giáp nhau. Tuy nhiên, nếu đó là tần số vì an ninh quốc gia, sau khi nhận được sự chấp thuận của thỏa thuận nói trên, NBTC sẽ tiến hành theo Điều 9.2.4.

9.2.5.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 9.2.5.1 và phải hoàn thành trong vòng 150 ngày. Tuy nhiên, nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo nguyên nhân cho người nộp đơn phân bổ tần suất được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người nộp đơn phân bổ tần số được biết trong vòng bảy ngày.

9.2.5.3 Nếu quốc gia có ranh giới giáp nhau có liên quan không chấp thuận việc sử dụng tần số theo thỏa thuận khu vực biên giới, thì Văn phòng NBTC thông báo kết quả xem xét cùng nguyên nhân cho người nộp đơn phân bổ tần suất được biết trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xem xét từ quốc gia có ranh giới giáp nhau có liên quan.

9.2.6 Nếu kết quả xem xét trong Mục 9.2.1 không chính xác và đầy đủ, thì Văn phòng NBTC thông báo kết quả xem xét cùng nguyên nhân cho người nộp đơn phân bổ tần suất được biết trong vòng 7 ngày kể từ ngày hoàn thành kết quả xem xét.

Chương 3

Điều khoản và điều kiện phân bổ tần số

Điều 10. Quy định thời hạn việc phân bổ tần số mỗi lần không quá 5 năm

Điều 11 Trong trường hợp việc sử dụng tần số gây ra nhiễu cho việc sử dụng các tần số khác đã được cấp phép trước, thì người được phép phân bổ tần số thông báo cho Văn phòng NBTC biết càng sớm càng tốt, để chỉ ra nguyên nhân gây nhiễu và người được phép phân bổ tần số phải hợp tác để giải quyết vấn đề gây nhiễu xảy ra. Bao gồm chịu trách nhiệm cho bất kỳ chi phí nào có thể phát sinh từ các vấn đề nhiễu như vậy. Tuy nhiên, nếu không thể giải quyết tần số gây nhiễu trong vòng 30 ngày kể từ ngày NBTC nhận được thông báo thì người được phân bổ phổ tần số phải đình chỉ ngay lập tức việc sử dụng tần số và nộp đơn xin phân bổ tần số để thay thế cho tần số ban đầu.

Điều 12. Trong trường hợp Văn phòng NBTC kiểm tra thấy rằng người được phân bổ phổ tần số không sử dụng tần số trong khoảng thời gian hơn hai tuần liên tiếp, thì Văn phòng NBTC sẽ có văn bản thông báo cho người được phân bổ phổ tần số được biết. Nếu người được phân bổ phổ tần số không có văn bản làm rõ cùng lý do hợp lý trong vòng 60 ngày kể từ ngày thể hiện trong văn bản của Văn phòng NBTC, thì văn phòng NBTC sẽ gửi lại thư thông báo cho người được phân bổ phổ tần số một lần nữa. Nếu người được phân bổ phổ tần số không có thư làm rõ với lý do hợp lý trong vòng sáu mươi ngày kể từ ngày thể hiện trong thư của Văn phòng NBTC bản số 2, Văn phòng NBTC sẽ đề xuất với NBTC xem xét hủy bỏ phân bổ tần số cho phù hợp với trường hợp tiếp theo.

Điều 13. Trong trường hợp Văn phòng NBTC kiểm tra phát hiện rằng trong bất trường hợp hoặc nhiều trường hợp kết hợp như sau :

13.1 Sử dụng tần số gây ra nhiễu ở mức độ nghiêm trọng đối với việc sử dụng tần số trong nước hoặc quốc tế.

13.2 Sử dụng tần số không tuân theo sự thỏa thuận phối hợp và phân bổ tần số khu vực dọc biên giới.

13.3 Cho phép người khác sử dụng một số tần số hoặc tất cả mà không được sự chấp thuận từ NBTC.

13.4 Không thực hiện theo các nội quy, thông báo, tiêu chí, phương pháp và điều kiện theo quy định của NBTC

Văn phòng NBTC ra lệnh đình chỉ việc phân bổ tần số và tạm ngưng sử dụng giấy phép thông tin vô tuyến có liên quan và có văn bản thông báo với người phân bổ tần số được biết để ngưng sử dụng tần số và giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng. Người được phân bổ tần số phải báo cáo tiến trình giải quyết các vấn đề cho văn phòng NBTC được biết cứ sau 60 ngày kể từ ngày thể hiện trong thông báo đình chỉ phân bổ tần số và tạm ngưng sử dụng giấy phép thông tin vô tuyến có liên quan .

Tuy nhiên, nếu không thể giải quyết vấn đề trong vòng 120 ngày thì văn phòng NBTC sẽ đề xuất cho NBTC xem xét hủy bỏ việc phân bổ tần số phù hợp với từng trường hợp.

Chương 4

Lệ phí

Điều 14. Lệ phí trong việc xem xét yêu cầu là 5,000 บาท trên mỗi yêu cầu, và không thể hoàn trả. Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau :

14.1 Trường hợp việc phân bổ tần số là tạm thời, mà không bao gồm trường hợp phân bổ tần số tạm thời dùng để học tập nghiên cứu, thử nghiệm hoặc kiểm nghiệm phải tiến hành theo Thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia vấn đề Tiêu chí việc xin phép sử dụng tần số để nghiên cứu hoặc kiểm nghiệm tạm thời trong hoạt động thông tin liên lạc vô tuyến và hoạt động viễn thông.

14.2 Trường hợp hủy bỏ việc phân bổ tần số

14.3 Trường hợp việc phân bổ tần số thay thế tần số ban đầu.

Điều 15 Lệ phí trong việc sử dụng tần số phải tuân theo NBTC quy định.

Điều 16. Lệ phí giấy phép thông tin liên lạc vô tuyến được tuân theo Thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia vấn đề Lệ phí giấy phép thông tin liên lạc vô tuyến.

Chương 5

Việc thay đổi phạm vi cho phép của tần số phân bổ ban đầu

Điều 17. Người được phân bổ tần số có ý định sẽ thay đổi phạm vi cho phép của tần số phân bổ ban đầu phải nộp yêu cầu theo chi tiết trong Điều 7

Điều 18. Tiêu chí để xem xét thay đổi phạm vi cho cho phép của tần số phân bổ ban đầu bao gồm :

18.1 Việc phân bổ tần số chưa hết hạn vào ngày Văn phòng NBTC nhận được yêu cầu.

18.2 Tiêu chí theo Điều 9.1

Điều 19. Phương pháp xem xét thay đổi phạm vi cho phép của tần số được phân bổ ban đầu bao gồm :

19.1 Văn phòng NBTC xem xét yêu cầu cùng tài liệu bằng chứng, sử dụng tất cả các tiêu chí trong điều 18

19.2 Trường hợp tần số theo bảng quy định tần số quốc gia.

19.2.1 Nếu kết quả xem xét trong điều 19.1 chính xác đầy đủ thì Văn phòng NBTC sẽ đề xuất cho NBTC là người phê duyệt việc thay đổi phạm vi cho phép của tần số phân bổ ban đầu trước khi Tổng thư ký NBTC là người hủy bỏ hoặc cấp giấy phép thông tin vô tuyến có liên quan đối với từng trường hợp cho người yêu cầu.

Trong trường hợp có việc hủy bỏ giấy phép thông tin vô tuyến thì tiến hành theo Thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia vấn đề Việc sở hữu, sử dụng thiết bị liên lạc vô tuyến và thành lập đài thông tin vô tuyến trong phần có liên quan.

19.2.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 19.2.1 và phải hoàn thành trong vòng 90 ngày. Nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo cùng với nguyên nhân cho người yêu cầu được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người yêu cầu được biết trong vòng bảy ngày.

19.3 Trường hợp tần số theo kế hoạch tần số vô tuyến hoặc thông báo NBTC có liên quan

19.3.1 Nếu kết quả xem xét trong điều 19.1 chính xác đầy đủ thì Tổng thư ký NBTC là người phê duyệt thay đổi phạm vi cho phép của tần số được phân bổ ban đầu, cùng với việc hủy bỏ hoặc cấp giấy phép thông tin vô tuyến có liên quan đối với từng trường hợp cho người yêu cầu.

Như vậy, trong trường hợp hủy bỏ giấy phép thông tin vô tuyến thì tiến hành theo Thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia vấn đề Việc sở hữu, sử dụng thiết bị liên lạc vô tuyến và thành lập đài thông tin vô tuyến trong phần có liên quan.

19.3.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 19.3.1 và phải hoàn thành trong vòng 30 ngày. Nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo cùng với nguyên nhân cho người yêu cầu được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người yêu cầu được biết trong vòng bảy ngày.

19.4 Trường hợp tần số vì an ninh quốc gia .

19.4.1 Nếu kết quả xem xét trong điều 19.1 chính xác đầy đủ thì Văn phòng NBTC sẽ tiến hành sao cho phù hợp theo Thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia về hướng dẫn phân bổ tần số đối với hoạt động thông tin vô tuyến vì an ninh quốc gia có liên quan trước khi tiến hành yêu cầu phê duyệt thay đổi phạm vi cho phép của tần số phân bổ ban đầu theo điều 19.2 hoặc 19.3 tùy từng trường hợp.

19.4.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 19.4.1 và phải hoàn thành trong vòng 120 ngày. Nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo cùng với nguyên nhân cho người yêu cầu được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người yêu cầu được biết trong vòng bảy ngày.

19.4.3 Trong trường hợp hội đồng làm việc hoặc hội đồng tiểu ban theo thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia về hướng dẫn việc phân bổ tần số đối với thông tin vô tuyến vì an ninh quốc gia có liên quan không thể thực hiện nhiệm vụ. Gây ảnh hưởng đến việc tiến hành không thể hoàn thành trong khung thời gian đã chỉ định tại điều 19.4.2 thì Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 19.2 hoặc 19.3 tùy từng trường hợp.

19.5 Trong trường hợp tần số nằm trong thỏa thuận phối hợp và phân bổ tần số dọc biên giới với các quốc gia có ranh giới lãnh thổ giáp nhau.

19.5.1 Nếu kết quả xem xét trong điều 19.1 chính xác đầy đủ thì Văn phòng NBTC sẽ tiến hành sao cho hoàn thành theo thỏa thuận phối hợp và phân bổ tần số dọc biên giới với các quốc gia có ranh giới lãnh thổ giáp nhau. Nếu là tần số vì an ninh quốc gia khi đã nhận được sự chấp thuận của thỏa thuận nói trên, NBTC sẽ tiến hành theo Điều 19.4.

19.5.2 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 19.5.1 và phải hoàn thành trong vòng 150 ngày. Nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo cùng với nguyên nhân cho người yêu cầu được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người yêu cầu được biết trong vòng bảy ngày.

19.5.3 Nếu các quốc gia có ranh giới lãnh thổ giáp nhau có liên quan không chấp thuận việc sử dụng tần số theo thỏa thuận khu vực biên giới, thì Văn phòng NBTC thông báo kết quả xem xét cùng nguyên nhân cho người nộp đơn được biết trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xem xét từ quốc gia có ranh giới giáp nhau có liên quan.

19.6 Nếu kết quả xem xét trong điều 19.1 không chính xác đầy đủ thì Văn phòng NBTC thông báo nguyên nhân và kết quả xem xét cho người yêu cầu được biết trong vòng 7 ngày kể từ ngày xem xét hoàn thành.

Chương 6

Việc gia hạn phân bổ tần số

Điều 20. Văn phòng NBTC sẽ thông báo cho người phân bổ tần số để thực hiện gia hạn việc phân bổ tần số ít nhất 60 ngày trước ngày hết hạn. Tuy nhiên, không thể được sử dụng như một nguyên nhân hoặc điều kiện nếu người được phân bổ tần số không thể gia hạn phân bổ tần số theo quy định.

Điều 21. Người phân bổ tần số muốn gia hạn việc phân bổ tần số phải gửi yêu cầu theo chi tiết trong điều 9. Tuy nhiên, nếu có lý do để nghi ngờ rằng thiết bị vô tuyến không phù hợp với các tiêu chuẩn liên quan, Văn phòng NBTC sẽ yêu cầu thử nghiệm thiết bị vô tuyến để xác nhận rằng thiết bị vô tuyến sẽ được sử dụng vẫn phù hợp theo thông báo về các tiêu chuẩn kỹ thuật và kiểm tra và chứng nhận tiêu chuẩn có liên quan.

Điều 22. Tiêu chí xem xét gia hạn việc phân bổ tần số bao gồm :

22.1 Việc phân bổ tần số chưa hết hạn tại ngày mà Văn phòng NBTC nhận được yêu cầu .

22.2 Đặc tính kỹ thuật của thiết bị liên lạc vô tuyến vẫn được giữ nguyên.

22.3 Tài liệu kết quả kiểm tra trong trường hợp Văn phòng NBTC yêu cầu thử nghiệm thiết bị liên lạc vô tuyến.

22.4 Tiêu chí theo điều 9.1

Điều 23. Phương pháp trong việc xem xét gia hạn việc phân bổ tần số bao gồm :

23.1 Văn phòng NBTC xem xét yêu cầu bởi tất cả các tiêu chí trong điều 22. Tuy nhiên, trong quá trình xem xét gia hạn phân bổ tần số, người được phân bổ tần số có thể tiếp tục được sử dụng tần số cho đến khi nhận được thông báo về kết quả từ NBTC.

23.2 Nếu kết quả xem xét trong điều 19.1 chính xác đầy đủ thì Tổng thư ký NBTC là người phê duyệt gia hạn phân bổ tần số và đưa ra bằng chứng phân bổ tần số cùng với giấy phép liên lạc vô tuyến (nếu có) cho người nộp đơn.

23.3 Văn phòng NBTC tiến hành theo điều 23.2 và phải hoàn thành trong vòng 15 ngày. Nếu việc thực hiện chậm trễ quá thời gian quy định thì Văn phòng NBTC phải thông báo cùng với nguyên nhân cho người yêu cầu được biết nhanh nhất và khi việc xem xét được hoàn thành, NBTC thông báo kết quả xem xét cho người yêu cầu được biết trong vòng bảy ngày.

23.4 Nếu kết quả xem xét trong điều 23.1 không chính xác đầy đủ thì Văn phòng NBTC thông báo nguyên nhân cùng kết quả xem xét cho người yêu cầu được biết trong vòng 7 ngày kể từ ngày xem xét hoàn thành.

Chương 7

Việc hủy bỏ phân bổ tần số

Điều 24. Việc hủy bỏ phân bổ tần số có tiêu chí và phương pháp để xem xét như sau :

24.1 Tiêu chí xem xét hủy bỏ phân bổ tần số bao gồm một trong những điều sau đây :

24.1.1 Việc phân bổ tần số hết thời hạn.

24.1.2 Người phân bổ tần số muốn hủy bỏ việc phân bổ tần số bằng cách gửi đơn yêu cầu theo chi tiết trong điều 7.

24.1.3 NBTC ra lệnh hủy bỏ việc phân bổ tần số bởi nguyên nhân theo điều 12 hoặc 13 .

24.2 Phương pháp để xem xét hủy bỏ việc phân bổ tần số bao gồm :

24.2.1 Trường hợp điều 24.1.1 cho Văn phòng NBTC hủy giấy phép liên lạc vô tuyến (nếu có) và tiến hành theo thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia vấn đề Việc sở hữu, sử dụng thiết bị liên lạc vô tuyến và thành lập đài thông tin vô tuyến trong phần liên quan, trước khi thông báo cho người phân bổ tần số được biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày việc phân bổ tần số hết thời hạn.

24.2.2 Trường hợp điều 24.1.2 cho văn phòng NBTC hủy giấy phép liên lạc vô tuyến (nếu có) cho người yêu cầu và tiến hành theo thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia vấn đề Việc sở hữu, sử dụng thiết bị liên lạc vô tuyến và thành lập đài thông tin vô tuyến trong phần liên quan. Phải hoàn thành trong vòng 15 ngày kể từ ngày NBTC nhận được yêu cầu.

24.2.3 Trường hợp điều 24.1.3 cho văn phòng NBTC hủy giấy phép liên lạc vô tuyến (nếu có) và tiến hành theo thông báo của Ủy ban phát thanh truyền hình và viễn thông quốc gia vấn đề Việc sở hữu, sử dụng thiết bị liên lạc vô tuyến và thành lập đài thông tin vô tuyến trong phần liên quan, trước khi thông báo cho người phân bổ tần số được biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày NBTC giải quyết hủy bỏ việc phân bổ tần số.

Điều khoản tạm thời

Điều 25. Người được phép phân bố tần số cho thông tin vô tuyến và những người được cấp phép sử dụng thiết bị vô tuyến, trước ngày thông báo có hiệu lực phải tiến hành theo Điều 6 và thông báo chi tiết về việc sử dụng tần số cùng với tài liệu bằng chứng ủy quyền theo quy định của NBTC trong khung thời gian như sau :

25.1 Trong vòng 60 ngày kể từ ngày thông báo này có hiệu lực. Trong trường hợp phân bố tần số vì hoạt động thông tin vô tuyến hoặc việc cho phép sử dụng thiết bị thông tin vô tuyến hợp pháp, có quy định ngày hết hạn của giấy phép.

25.2 Trong vòng 180 ngày kể từ ngày thông báo này có hiệu lực. Trong trường hợp phân bố tần số vì hoạt động thông tin vô tuyến hoặc việc cho phép sử dụng thiết bị thông tin vô tuyến hợp pháp không quy định ngày hết hạn của giấy phép.

Điều 26. Nếu Văn phòng NBTC không nhận được chi tiết liên quan đến việc sử dụng tần số cùng với tài liệu bằng chứng cho phép trong thời hạn quy định theo điều 25, thì việc phân bố tần số vì hoạt động thông tin vô tuyến hoặc việc cho phép sử dụng thiết bị thông tin vô tuyến được xem hết hạn.

Điều 27. Khi Văn phòng NBTC xem xét chi tiết liên quan đến việc sử dụng tần số cùng tài liệu bằng chứng cho phép thấy rằng đã chính xác đầy đủ. Ngay cả phù hợp với kế hoạch tổng thể quản lý tần số, bảng quy định tần số quốc gia, kế hoạch tổng thể hoạt động phát thanh và truyền hình, kế hoạch tổng thể hoạt động viễn thông, kế hoạch tần số vô tuyến hoặc thông báo NBTC có liên quan. Cho Văn phòng NBTC đưa ra bằng chứng về phân bố tần số, cùng với giấy phép thông tin vô tuyến (nếu có) và quy định thời hạn phân bố tần số theo Điều 10 đối với người được phân bố tần số.

Điều 28. Việc cho phép sử dụng thiết bị vô tuyến, mà không quy định thời hạn cấp phép trước ngày thông báo có hiệu lực thì được xem là việc phân bố tần số và tiến hành theo điều 25 tới điều 27.

Điều 29. Trong lúc NBTC chưa thông báo quy định liên quan đến lệ phí trong việc sử dụng tần số, thì tính mức phí không ít hơn mức phí đã quy định trong thông báo của Bộ Công nghệ Thông tin và Truyền thông vấn đề Yêu cầu người sử dụng tần số vô tuyến phải chịu chi phí khi sử dụng tần số vô tuyến, vào ngày 10 tháng 3 năm 2003 cho đến khi NBTC sẽ thông báo khác.

Điều 30. Thông báo này sẽ có hiệu lực sau khi hết thời hạn 180 ngày kể từ ngày thông báo trên Công báo .

Thông báo vào ngày 29 tháng 03 năm 2017

Đại tướng Không quân Thares Punsri
Chủ tịch Ủy ban phát thanh truyền hình
và viễn thông quốc gia

Phụ lục

Tài liệu bằng chứng được sử dụng để yêu cầu phân bổ tần số

Các trường hợp khác	Tài liệu chứng cứ
Trường hợp thành lập đài thông tin vô tuyến nói chung	<ol style="list-style-type: none">1. Bản sao tài liệu bằng chứng thể hiện vị trí của đài thông tin vô tuyến.2. Văn bản đồng ý cho thành lập đài thông tin vô tuyến, trường hợp không có quyền sở hữu.3. Bản sao giấy phép thành lập đài thông tin vô tuyến, thay được cho tài liệu điều 1 và 2.
Trường hợp thành lập đài thông tin vô tuyến trên thuyền.	<ol style="list-style-type: none">1. Bản sao đăng ký thuyền từ Sở Cảnh2. Bản sao giấy phép sử dụng thuyền từ Sở Cảnh3. Bản sao chứng cứ thông quan4. Bản sao bằng chứng mua hoặc đặt mua
Trường hợp thành lập đài thông tin vô tuyến ở khu vực bến cảng hoặc bờ để liên lạc giữa các đài thông tin vô tuyến trên thuyền với cảng hoặc bờ	<ol style="list-style-type: none">1. Bản sao bằng chứng thể hiện vị trí của đài thông tin vô tuyến.2. Văn bản đồng ý cho thành lập đài thông tin vô tuyến, trường hợp không có quyền sở hữu.3. Bản sao giấy phép thành lập đài thông tin vô tuyến, thay được cho tài liệu điều 1 và 2.4. Bản sao giấy phép kinh doanh cảng biển từ Sở Cảnh
Trường hợp thành lập đài thông tin vô tuyến trên thiết bị bay.	<ol style="list-style-type: none">1. Bản sao đăng ký thiết bị bay từ Cục hàng không dân dụng2. Bản sao giấy chứng nhận hàng không từ Cục hàng không dân dụng3. Bản sao chứng cứ thông quan4. Bản sao bằng chứng mua hoặc đặt mua
Trường hợp thành lập đài thông tin vô tuyến để kiểm soát không lưu.	<ol style="list-style-type: none">1. Bản sao giấy phép thành lập sân bay từ Cục hàng không dân dụng Hoặc2. Bản sao giấy phép thành lập nơi cất cánh tạm thời từ Cục Hàng không dân dụng .
Trường hợp thành lập đài thông tin vô tuyến khu vực an toàn hàng không theo thông báo của Bộ giao thông vận tải	<ol style="list-style-type: none">1. Bản sao bằng chứng thể hiện vị trí của đài thông tin vô tuyến.2. Văn bản đồng ý cho thành lập đài thông tin vô tuyến, trường hợp không có quyền sở hữu.3. Bản sao giấy phép thành lập đài thông tin vô tuyến, thay được cho tài liệu điều 1 và 2.

Các trường hợp khác	Tài liệu chứng cứ
	4. Bản sao giấy phép xây dựng trong vùng an toàn hàng không từ Cục hàng không dân dụng.
Trường hợp thành lập đài thông tin vô tuyến của hoạt động vệ tinh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bản sao bằng chứng thể hiện vị trí của đài thông tin vô tuyến. 2. Văn bản đồng ý cho thành lập đài thông tin vô tuyến, trường hợp không có quyền sở hữu. 3. Bản sao giấy phép thành lập đài thông tin vô tuyến, thay được cho tài liệu điều 1 và 2. 4. Bản sao văn bản thuê sử dụng các kênh vệ tinh (trong trường hợp liên quan)
Trường hợp yêu cầu phân bổ tần số loại sử dụng chung.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản đồng ý từ người phân bổ tần số khác, cả trong trường hợp sử dụng cùng một mạng và khu vực sử dụng chồng chéo nhau. 2. Các tài liệu khác, tùy từng trường hợp
Các trường hợp khác.	Tham khảo thông báo NBTC có liên quan.

This translated version is prepared with the sole purpose of facilitating the comprehension of foreign participants in the telecommunication rules and regulations and shall not in any event or by any reason be construed or interpreted as having effect in substitution for supplementary to the Thai version thereof. If its translation to other languages is in contrary to Thai version, the latter shall prevail.

Please note that the translation has not been subjected to an official review by the Office of the National Broadcasting and Telecommunications Commission. The Office of NBTC, accordingly, shall not undertake any responsibility for its accuracy, nor be held liable for any loss or damages arising from or in connection with its use.
